TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 136/2019/QĐST - HNGĐ	*Đồng Hỷ, ngày 19 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 107/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Â, sinh năm 1990

- Bị đơn: Anh Triệu Văn H, sinh năm 1987

Cùng trú tại: Xóm BC, xã QS, huyện ĐH, tỉnh TN

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nhật L - Chức vụ: Phó Giám đốc.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đươc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Â và anh Triệu Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Â và anh Triệu Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

- Anh Triệu Văn H sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Triệu Hoàng Ngọc Á, sinh ngày 25/11/2012 và Triệu Tuấn H, sinh ngày 14/10/2014 cho tới khi cháu Á và cháu H thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Hoàng Thị Â tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Triệu Hoàng Ngọc Á và Triệu Tuấn H với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) /1 tháng /1 con (Hai con là 2.000.000 đồng /1 tháng) cho tới khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Chị Hoàng Thị Â sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Triệu Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 02/11/2018 cho cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Hoàng Thị Â không yêu cầu anh Triệu Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Hoàng Bảo Ch.

Chị Hoàng Thị Â và anh Triệu Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2.4 Công nợ chung: Các bên đương sự cùng thỏa thuận như sau:

- Anh Triệu Văn H sẽ nhận trách nhiệm trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc phân kỳ và trả hết toàn bộ 02 khoản nợ gốc với tổng số tiền là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) cho Ngân hàng X khi các khoản vay đến hạn trả nợ, cụ thể: Khoản thứ nhất vay ngày 18/6/2016 với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/6/2021; Khoản thứ hai vay ngày 22/2/2017 với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/2/2022.

- Chị Hoàng Thị Â sẽ thanh toán cho anh Triệu Văn H 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng), tương đương 50% tổng số tiền nợ chung vợ chồng đã vay của Ngân hàng X. Chị Hoàng Thị Â đã thanh toán xong cho anh Triệu Văn H số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) này.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ thi hành án về nợ chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5 Về Án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Â tự nguyện nhận nộp toàn bộ số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016328 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Triệu Văn H tự nguyện nhận nộp toàn bộ số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã QS, huyện ĐH;
- UBND xã DD, huyện TĐ, tỉnh LS;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ;

Nguyễn Thị Thủy